

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHONG THỔ
TỈNH LAI CHÂU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2019/HS-ST
Ngày: 04-4-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHONG THỔ TỈNH LAI CHÂU**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lý Minh Quý
Bà Đào Thị Hòa

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Dũng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu tham gia phiên tòa: Ông Vũ Đức Hoàng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã Nậm Xe, huyện Phong Thổ, Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai lưu động vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 10/2019/TLST- HS, ngày 18 tháng 3 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2019/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 3 năm 2019 đối với bị cáo:

Chang Văn H; tên gọi khác: không; sinh năm 1994; tại huyện S, tỉnh Lai Châu; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: thôn T, thị trấn P, huyện P, tỉnh Lai Châu; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ học vấn: lớp 5/12; dân tộc: Giáy; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Chang Văn T đã chết và bà Lừ Thị K; gia đình bị cáo có 02 anh em bị cáo là con thứ nhất; bị cáo có vợ là Tao Thị E, sinh năm 1996 và có 01 con sinh năm 2011; nhân thân: năm 2012 bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc; tiền sự: 01, theo quyết định số 02/QĐ-XPHC, ngày 02/12/2018 của trưởng Công an huyện Phong Thổ về hành vi trộm cắp tài sản; tiền án: không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 19/12/2018 đến ngày 28/12/2018 được thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Ngày 04/01/2019 bị cáo bị cơ quan điều tra hủy lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú và bắt tạm giam cho đến nay. Bị cáo được trích xuất có mặt tại phiên tòa.

-Những bị hại:

1. Anh Phàn Phủ S, sinh năm 1988; địa chỉ: bản P, xã M, huyện P, tỉnh L. (vắng mặt).

2. Anh Đỗ Đắc N, sinh năm 1993; địa chỉ: bản P, xã M, huyện P, tỉnh L (vắng mặt).
3. Chị Phìn Thị T, sinh năm 1997; địa chỉ: bản C, xã K, huyện P, tỉnh L (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Trong khoảng thời gian từ tháng 10 đến tháng 11 năm 2018, Chang Văn H, sinh năm 1994, trú tại thôn T, thị trấn P, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu đã 03 lần chiếm đoạt tài sản của người khác cụ thể:

Lần 1: khoảng 08 giờ ngày 07/10/2018, Chang Văn H một mình đi bộ từ nhà lên bản P, xã M, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu. Khi đi đến đoạn đường bê tông giữa bản P, Chang Văn H nhìn thấy có hai chiếc xe máy đang dựng ở lề đường. Quan sát xung quanh không có người qua lại, Chang Văn H nảy sinh ý định chiếm đoạt một chiếc xe máy để bán lấy tiền tiêu sài. Chang Văn H đến gần chiếc xe máy Sirius, nhãn hiệu YAMAHA, có BKS: 25P1-005.35 màu sơn đen- vàng, có chìa khóa đang cắm ở ổ khóa, ngồi lên xe vặn khóa đề nổ và điều khiển xe đi khỏi bản P. Khoảng 19 giờ cùng ngày Chang Văn H điều khiển chiếc xe máy đó đi lên bản C, xã H rồi sang bên Trung Quốc bán cho một người phụ nữ Trung Quốc được 500NDT (nhân dân tệ tiền Trung Quốc). Số tiền này H đã tiêu sài cho cá nhân hết. Chiếc xe máy mà H chiếm đoạt đã xác định được chủ sở hữu là của anh Phàn Phủ S, sinh năm 1988, ở bản P, xã M, huyện P, tỉnh Lai Châu do sáng cùng ngày anh S điều khiển xe đến nhà anh rẽ ở cùng bản để chơi. Anh S dựng xe ở cạnh đường bê tông nhưng không rút chìa khóa đến 12 giờ cùng ngày khi ra chỗ để xe máy thì phát hiện xe bị mất. Chiếc xe của anh Phàn Phủ S là xe Sirius nhãn hiệu Yamaha, BKS: 25P1-005.53, màu sơn đen- vàng, số khung 397737, số máy 539747, định giá còn trị giá thành tiền là 9.000.000đ (Chín triệu đồng).

Lần 2: Khoảng 07 giờ ngày 19/10/2018, Chang Văn H và một người đàn ông tên B, khoảng 26 tuổi nhà ở Điện Biên (H không biết họ tên, địa chỉ cụ thể) đang đi chơi ở cửa khẩu M, xã M, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu thì nhìn thấy một chiếc xe nhãn hiệu Honda, BKS: 25M1-0943, màu nâu, dựng ở gốc cây lộc vùng đối diện khu nhà kiểm soát liên hợp. Quan sát thấy không có người H và B bàn nhau chiếm đoạt chiếc xe làm phương tiện đi lại. Sau đó B đứng canh giới còn H đến chỗ chiếc xe dùng chìa khóa loại chìa xe máy H mang theo người tra chìa khóa vào ổ khóa điện bật đi bật lại thì mở được khóa điện. H nổ xe máy điều khiển xe chở B đi thị trấn Phong Thổ chơi, sau đó B đón xe về Điện Biên. Chiếc xe máy đó H sử dụng làm phương tiện đi lại. Đến khoảng 01 tuần sau H điều khiển xe máy đó đi bản N, xã H, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu chơi và dựng xe máy ở cạnh đường. Khi H quay lại thì không thấy xe đâu. Chiếc xe máy này xác định là của chị Phìn Thị T, sinh năm 1997, chỗ ở bản N, xã H, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu. Sáng ngày 19/10/2018 chị T đi sang Trung Quốc nên có dựng xe máy ở gốc cây lộc vùng. Sau khi từ Trung Quốc về chị phát hiện

xe bị mất. Đến khoảng một tuần sau chồng chị đã nhìn thấy xe dựng ở lề đường khu vực bản N, xã H nên đã dắt chiếc xe về.

Chiếc xe máy của chị Phìn Thị T là loại xe Wave anpha, nhãn hiệu Honda, BKS: 25M1-0943, màu nâu do gia đình dùng sơ để sơn lại nên xe thay đổi màu so với giấy đăng ký xe màu đỏ-đen, loại xe hai bánh, dung tích 110, số khung 212743, số máy 1413627, xe vành lan hoa, kim xăng thường, phanh cơ, không có gương chiếu hậu, các bộ phận khác của xe còn nguyên vẹn, sản xuất năm 2010. Tại biên bản định giá chiếc xe còn trị giá thành tiền là 7.500.000đ (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

Lần 3: Khoảng 08 giờ 30 phút ngày 05/11/2018, Chang Văn H vẫn đi vào khu vực cửa khẩu M, khi đi đến sân của công ty Quỳnh Phát, đối diện cây xăng M, H nhìn thấy 01 xe máy Sirius, nhãn hiệu Yamaha, màu sơn đỏ-đen, BKS 24 B1-842.01 dựng trong sân. Quan sát thấy xung quanh và trong sân không có người qua lại nên H nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe làm phương tiện đi lại. Chang Văn H đến gần chiếc xe thấy chìa khóa xe đang cắm ở ổ khóa nên ngồi lên xe đề nổ và điều khiển xe máy đi về thị trấn P, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu. Chiếc xe này là của chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1989, kế toán công ty Quỳnh Phát cho anh Đỗ Đắc N, sinh năm 1993, nhân viên cùng công ty mượn làm phương tiện đi lại. Đêm ngày 04/11/2018 anh N dựng xe ở sân của công ty Quỳnh Phát ở xã M thì đến sáng ngày 05/11/2018 khi ngủ dậy anh không thấy xe máy đâu nữa nên đã đi tìm. Trong thời gian chiếm đoạt được chiếc xe Chang Văn H điều khiển xe đi lại khu vực thị trấn P, đến ngày 18/12/2018 H biết Công an huyện Phong Thổ đang đi tìm và triệu tập H lên làm việc. Lo sợ bị phát hiện Chang Văn H đã điều khiển chiếc xe đi đến khu vực Km2 QL 12 thuộc bản P, xã M, huyện Phong Thổ và để chiếc xe ở lề đường. Đến khoảng 08 giờ 30 phút ngày 18/12/2018 khi anh Đỗ Đắc N đang đi tìm xe thì nhìn thấy xe của mình đã hỏi mọi người xung quanh thì được biết nam thanh niên để chiếc xe của anh ở lề đường có tên là H, nhà ở thị trấn P, huyện Phong Thổ nên anh N đã trình báo cơ quan điều tra. Hồi 11 giờ 20 phút ngày 19/12/2018 Chang Văn H đã đến cơ quan điều tra đầu thú và khai nhận là người chiếm đoạt chiếc xe của anh N, đồng thời khai thêm về hành vi phạm tội của H trước đó. Trị giá chiếc xe máy của anh N là 10.500.000đ (Mười triệu năm trăm nghìn đồng). Tổng trị giá tài sản mà Chang Văn H chiếm đoạt là **27.000.000đ (Hai mươi bảy triệu đồng)**.

Những bị hại vắng mặt tại phiên tòa đều có lời trình bày về số tài sản bị mất là phù hợp với lời khai của bị cáo.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận của Hội đồng định giá.

Từ nội dung trên, tại bản cáo trạng số: 10/ CT-VKS, ngày 18 tháng 3 năm 2019 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu đã truy tố bị cáo Chang Văn H về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự với các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên công bố bản cáo trạng và đã bổ sung thêm tình tiết giảm nhẹ tự thú theo điểm r khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo.

Kết thúc việc xét hỏi, Kiểm sát viên thực hành quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như cáo trạng đã nêu và bổ sung tình tiết giảm nhẹ tự thú quy định tại điểm r khoản 1 Điều 51 BLHS cho bị cáo; Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 173, điểm r, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Chang Văn H từ 18 tháng đến 24 tháng tù; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo; đồng thời đề nghị về dân sự buộc bị cáo phải bồi thường giá trị tài sản bị cáo đã chiếm đoạt là 9.000.000 đồng cho anh Phan Phú S; còn những bị hại khác đã nhận lại đầy đủ tài sản không yêu cầu bồi thường nên không giải quyết; quyền kháng cáo, án phí của bị cáo theo luật.

Trong quá trình điều tra, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Tại phiên tòa bị cáo tiếp tục nhận tội, nội dung khai báo của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, không có tình tiết mới, bị cáo nhất trí với luận tội, đồng ý bồi thường giá trị tài sản chiếc xe máy cho bị hại anh Phan Phú S theo đúng biên bản định giá; bị cáo không có ý kiến tranh luận và cũng không có ý kiến gì đề bào chữa cho hành vi phạm tội của bị cáo.

Kết thúc phần tranh tụng, được nói lời sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Phong Thổ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, quy định của Bộ luật tố tụng hình sự; tại phiên tòa Kiểm sát viên đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn khi thực hành quyền công tố. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, những bị hại đều không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt những bị hại. Kiểm sát viên, bị cáo và đề nghị xét xử vắng mặt người này. Xét thấy, những bị hại vắng mặt đã có đơn xin xử vắng mặt. Trong quá trình điều tra những người này đã có lời khai đầy đủ, rõ ràng. Do vậy, việc vắng mặt họ không gây cản trở cho việc xét xử nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng Hình sự tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[3] Về hành vi phạm tội của bị cáo, tội danh: Tại phiên tòa, bị cáo tiếp tục khai nhận hành vi phạm tội của bị cáo phù hợp với nội dung bản cáo trạng đã nêu, phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Hành vi phạm tội của bị cáo còn được chứng minh qua kết luận định giá tài sản, lời khai của những bị hại. Do vậy, đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ ngày 07/10/2018 đến ngày 05/11/2018, Chang Văn H, sinh năm 1994, trú tại thôn T, thị trấn P, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu đi chơi ở khu vực xã M, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu đã lợi dụng sơ hở trong việc người dân để xe máy ven đường không

rút chìa khóa khỏi ổ khóa xe máy, không khóa cở xe máy, không có người trông coi, quản lý tài sản bị cáo H đã thực hiện hoàn thành 03 lần chiếm đoạt ba chiếc xe máy để làm phương tiện đi lại và bán lấy tiền tiêu sài cá nhân; ba chiếc xe đó là một chiếc xe máy Sirius nhãn hiệu Yamaha có BKS: 25 P1- 005.35 màu sơn đen- vàng của anh Phan Phú S, trị giá còn lại của chiếc xe là **9.000.000** đồng; một chiếc xe Wave anpha nhãn hiệu Honda màu nâu, BKS: 25 M1-0943 (xe đã thay đổi màu sơn so với đăng ký ban đầu là màu đỏ- đen) của chị Phìn Thị T, trị giá của chiếc xe là **7.500.000** đồng; một chiếc xe máy Sirius nhãn hiệu Yamaha, màu sơn đỏ- đen, BKS 24 B1- 842.01 của anh Đỗ Đắc N (xe này anh Nam mượn của chị H làm phương tiện đi lại), trị giá của chiếc xe là **10.500.000** đồng. Vậy tổng trị giá tài sản mà bị cáo chiếm đoạt là **27.000.000đ** (*Hai mươi bảy triệu đồng*).

Hành vi lợi dụng sơ hở để lén lút dịch chuyển tài sản khỏi vị trí ban đầu mà chủ quản lý, sở hữu tài sản để tài sản nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản làm phương tiện đi lại và bán của bị cáo chính là hành vi trộm cắp tài sản đã hoàn thành. Hành vi đó là hành vi nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo là người đủ năng lực trách nhiệm hình sự, đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự; bị cáo nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Vậy, Hội đồng xét xử kết luận bị cáo đã phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Như vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật cần chấp nhận; cụ thể Điều luật quy định: “*Khoản 1: Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm*”.

[4] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo đều thành khẩn khai báo ăn năn hối cải; ngay khi bị phát hiện bị cáo đã ra đầu thú và tự thú thêm các hành vi phạm tội trước đó khi chưa ai phát giác, tố giác là tình tiết giảm nhẹ theo điểm s, r khoản 1, khoản 2 (đầu thú) Điều 51 Bộ luật Hình sự;

Bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp nhiều lần (ba lần), với mỗi lần hành vi đủ yếu tố cấu thành tội là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Phạm tội 02 lần trở lên*” theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[5] Xét tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo: hành vi phạm tội của bị cáo diễn ra gần như thường xuyên, liên tục, chỉ trong thời gian gần 01 tháng bị cáo đã ba lần phạm tội trộm cắp tài sản; hơn nữa khi được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú bị cáo đã cố ý vi phạm nghĩa vụ; điều đặc biệt tính đến thời điểm bị phát hiện bắt giữ bị cáo đã trộm cắp tài sản bốn lần nhưng lần bốn đó mới chỉ bị xử phạt hành chính vì chưa ai phát giác ra các hành vi phạm tội trước đó. Điều đó chứng tỏ ý thức, thái độ của bị cáo rất coi thường kỷ cương pháp luật. Hành vi phạm tội của bị cáo gây dư luận, bức xúc trong nhân dân, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an trên địa bàn. Vậy cần áp dụng Điều 38 Bộ luật Hình sự buộc bị cáo đi tập trung cải tạo một thời gian với mức hình phạt phù hợp vừa đảm bảo tính nhân

đạo đối với tự thú nhưng đảm bảo tính trung thực, răn đe và đảm bảo công tác đấu tranh phòng chống tội phạm.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét bản thân bị cáo làm ruộng không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo theo khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh Phàn Phú S vắng mặt có đơn trình bày yêu cầu bị cáo phải bồi thường trị giá chiếc xe máy bị cáo đã trộm cắp của anh là 9.000.000đ (Chín triệu đồng); Yêu cầu này là phù hợp cần áp dụng Bộ luật Dân sự Điều 584, 585, 586, 589 và Điều 48 Bộ luật hình sự buộc bị cáo phải bồi thường. Đối với số tài sản bị cáo trộm cắp của anh Đỗ Đắc N và chị Phìn Thị T thì anh N và chị T đã tìm thấy và lấy lại được nguyên vẹn tài sản. Xét, những bị hại này đều vắng mặt có đơn trình bày không yêu cầu bị cáo phải bồi thường vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

Hội đồng xét xử thấy lời đề nghị của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là phù hợp nên cần chấp nhận.

[8] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nhưng miễn án phí Dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho bị cáo vì hoàn cảnh kinh tế của bị cáo không có khả năng thi hành án; Quyền kháng cáo của bị cáo theo luật.

[9] Trong vụ án này bị cáo khai quá trình trộm cắp chiếc xe máy của chị Phìn Thị Tình còn có một người tên Biên nhà ở Điện Biên nhưng bị cáo không rõ tên tuổi, địa chỉ ở đâu nên cơ quan điều tra không có căn cứ xác minh nên không có căn cứ xử lý người này là phù hợp.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1/ Tuyên bố bị cáo **Chang Văn H** phạm tội “ *Trộm cắp tài sản*”.

2/ Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm r, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Chang Văn H **20** (Hai mươi) tháng tù. Thời hạn tù của bị cáo Chang Văn H tính từ ngày bị tạm giam, ngày 04/01/2019 (khấu trừ 09 ngày tạm giữ cho bị cáo, vậy bị cáo còn phải chấp hành là **19** (Mười chín) tháng **21** (Hai mươi một) ngày tù.

3/ Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

4/ Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự buộc bị cáo phải bồi thường cho anh Phàn Phú S, sinh năm 1988, địa chỉ bản P, xã M, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu số tiền là 9.000.000đ (Chín triệu đồng).

5/ Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, buộc các bị cáo Chang Văn H phải nộp

200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí Hình sự sơ thẩm. Miễn án phí Dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho bị cáo

6/ Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự bị cáo.

Những bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Áp dụng Điều 26 Luật thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014; Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND hai cấp;
- CQCSĐT cùng cấp;
- Cơ quan THAHS;
- Nhà tạm giữ;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- THADS cùng cấp;
- Sở tư pháp tỉnh Lai Châu
- Lưu: THA-HS

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Hà